|  |  |
| --- | --- |
| *Tuần 10 năm học 2023-2024* | *- Ngày soạn: 4/11/2023*  *- Ngày dạy:6/11/2023 lớp 9A1* |

**TIẾT 17: LAI HAI CẶP TÍNH TRẠNG** (tiếp)

**I. MỤC TIÊU**

1- Kiến thức:

- HS hiểu và giải thích được kết quả lai 2 cặp tính trạng theo quan niệm của Menđen

- Phân tích được ý nghĩa của quy luật phân ly độc lập với chọn giống và tiến hoá

2- Kĩ năng:

- Quan sát và phân tích kiểu hình, hoạt động nhóm

3- Thái độ:

- Tôn trọng thành quả nghiên cứu khoa học, ý thức vận dụng thực tế

**II. CHUẨN BỊ**

1. GV: Tranh phóng to H5 (SGK), bảng phụ ghi nội dung Bảng 5

2. HS: Bảng 5 kẻ sẵn + nghiên cứu SGK

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC**

1. Ổn định tổ chức lớp (1')

2. Kiểm tra bài cũ (7')

GV: Phát biểu nội dung quy luật phân ly độc lập?

HS1: Trả lời

GV: Chọn câu trả lời đúng cho câu hỏi 3?

HS2: Trả lời

3. Bài mới: (30')

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| **Hoạt động 1: Tìm hiểu về Menđen giải thích** | **3. Menđen giải thích kết quả TN** (19') |
| **kết quả TN** |  |
| GV: Yêu cầu HS nhặc lại tỉ lệ phân ly từng cặp | - Menđen cho rằng mỗi cặp tính trạng do |
| tính trạng ở F2 ? | một cặp nhân tố di truyền quyết định |
| HS: | - Quy ước: |
| GV: từ kết quả trên cho ta nhận xét gì? | gen A: quy định tính trạng hạt vàng |
| GV: yêu cầu HS nghiên cứu SGK + H5 | gen a: quy định tính trạng hạt xanh |
| → giải thích kết quả theo quan niệm của MĐen | gen B: quy định tính trạng hạt trơn |
| HS: hoạt động nhóm→ thống nhất trả lời | gen b: quy định tính trạng hạt nhăn |
|  | ⇒ kiểu gen vàng, trơn thuần chủng ở P là |
|  | AABB |
| GV: Chú ý sự hình thành các giao tử ở F1 ( tổ | kiểu gen thuần chủng xanh, nhăn là: |
| hợp tự do)→ 4 loại giao tử có tỉ lệ ngang nhau | aabb |
| - tại sao ở F2 lại tạo được 16 tổ hợp giao tử | \* Sơ đồ lai: H5 (SGK - T17) |
| (hợp tử)? | Kq: bảng 5 |
| GV: hướng dẫn cách xác định kiểu hình, kiểu | F2 thu được có 16 tổ hợp kiểu hình |
| gen ở F2 → yêu cầu HS hoàn thành bảng 5 | 9 vàng, trơn |
| (SGK- T17) |
| HS: tự hoàn thành bảng |
| GV: đáp án - kết quả đúng |
|  | 3 Vàng, nhăn |
|  |
|  | 3 Xanh, trơn |
|  |
|  | 1 Xanh, nhăn 1aabb |
| GV: Hướng dẫn HS chốt lại vấn đề thành nội | \* Nội dung QL PLĐL: |
| dung quy luật | (SGK -T18) |
| **Hoạt động 2 :Tìm hiểu về ý nghĩa của định** | **4. ý nghĩa của quy luật phân ly độc** |
| **luật** | **lập:** (10') |
| GV: Hướng dẫn nghiên cứu SGK trả lời | - quy luật này giải thích được nguyên |
| - tại sao ở các loài sinh sản hữu tính biến dị lại | nhân làm xuất hiện biến dị tổ hợp là do sự |
| phong phú? | phân ly độc lập và tổ hợp ngẫu nhiên của |
| - nêu ý nghĩa của quy luật PLĐL? | các giao tử (cặp gen) |
| HS: nêu ý nghĩa của quy luật | - Biến dị tổ hợp có ý nghĩa cho chọn |
|  | giống và tiến hoá |
| GV: Cho HS đọc KL của bài | **5. Kết luận bài** (1') |
| HS: Đọc KL | (SGK - T19) |

4. Củng cố (6')

GV: Hệ thống + vấn đáp câu hỏi SGK

HS: Trả lời

5. Dặn dò (1')

Học bài , làm BT4 (SGK - T19)

|  |  |
| --- | --- |
| *Tuần 10 năm học 2023-2024* | *- Ngày soạn: 4/11/2023*  *- Ngày dạy: 10 /11/2023 lớp 9A1* |

**Tiết 18: BÀI TẬP CHƯƠNG I**

**I. MỤC TIÊU**

1- Kiến thức:

- Củng cố, khắc sâu và mở rộng nhận thức về các quy luật di truyền

- Biết vận dụng lý thuyết để giải các bài tập

2- Kĩ năng: Rèn kĩ năng làm bài tập

3- Thái độ:Ham học tập khám phá bộ môn

**II. CHUẨN BỊ**

1. GV: bài giảng, đáp án của các bài tập SGK

2. HS: SGK, Ôn lại kiến thức về các quy luật di truyền

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC**

1. ổn định tổ chức lớp (1')

2. Kiểm tra bài cũ: Xen kẽ trong bài học

3. Bài mới: (40')

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| **Hoạt động 1 :Tìm hiểu về cách giải bài tập** | **I. Hướng dẫn cách giải bài tập** (24') |
|  | 1- Lai một cặp tính trạng: |
| GV: Giới thiệu dạng bài | a. dạng một: biết kiểu hình của P → xác |
| ví dụ | định kết quả của F (kiểu hình - kiểu gen) |
|  | \* Cách giai: Gồm có 3 bước |
| GV: Thông báo các bước giải (bảng phụ) | - B1: quy ước gen |
|  | - B2: xác định kiểu gen của P |
| HS: Ghi kiến thức | - B3: xác định sơ đồ lai, tìm F |
|  | b. dạng hai: biết kết quả về số lượng hoặc |
| GV: Giới thiệu mẫu bài, ví dụ | kiểu hình của F → xác định kiểu hình - |
|  | kiểu gen của P |
| GV: Giớ thiệu các bước giải | \* Cách giải: Căn cứ vào tỉ lệ kiểu hình |
| - so sánh với mẫu bài trên? | của F nếu F: (3 : 1) → P: Aa × Aa |
|  | F: (1 : 1) → P: Aa × aa |
| HS: Ghi nhớ kiến thức | F: (1 : 2 : 1) → trội ko hoàn toàn |
|  | 2- Lai hai cặp tính trạng: |
|  | (giải bài tập khách quan) |
| GV: Giới thiệu dạng bài | a. Dạng 1: biết KG, KH của P → xác |
|  | định tỉ lệ KH ở F: |
|  | \* Cách giải: căn cứ vào tỉ lệ từng cặp tính |
| GV: Giớ thiệu các bước giải | trạng → tích tỉ lệ các cặp tính trạng ở F |
|  | (TK bài giảng) |
| GV: Giới thiệu dạng bài | b. Dạng 2: biết số lượng hay tỉ lệ KH của |
| HS: Ghi kiến thức | F → xác định kiểu gen của P |
|  | \* Cách giải: căn cứ tỉ lệ KH của F xác |
|  | định KG của P: |
| **Hoạt động 2: Luyện tập** | **II. Bài tập vận dụng** (15') |
| GV: Cho HS làm bài tập 1 | **Bài 1:** Đáp án a |
|  | vì theo (a) thì F1 đồng tính TT trội (đúng |
| HS: Làm BT vào vở | theo TN lai một cặp TT của Menđen) |
| GV: Gọi HS nhận xét | → P(TT) : lông ngắn × lông dài |
| GV: Cho HS làm bài tập 1 | **Bài 2:** Đáp án d |
|  | vì theo từ kết quả của F1: 75% đỏ thẫm; |
| HS: Làm BT vào vở | 25% xanh lục→ F1: 3 đỏ thẫm: 1 xanh |
| GV: Gọi HS nhận xét | lục (đúng TN lai 1 cặp TT quy luật phân |
|  | ly) ⇒ P: Aa × Aa |
|  | **Bài 5:** |
|  | Đáp án a, d |
| **Hoạt động 3: Kết luận bài** | **III. Kết luận bài** (1') |
| GV: Cho HS đọc KL bài | căn cứ đầu bài → xác định dạng BT → |
|  | quy về các quy luật di truyền→ kết quả |

4. Củng cố (3')

GV: Hệ thống chú ý xác định đầu bài → đáp án

5. Dặn dò (1') Học bài, hoàn thiện các bài tập SGK

Ôn chương I, đọc trước bài mới: **" Bài 13: Di truyền liên kết "**

|  |  |
| --- | --- |
| *Vũ Xá, ngày ...... tháng 11 năm 2023*  **TỔ TRƯỞNG TỔ CHUYÊN MÔN**  *(Kí ghi rõ họ tên)* | **GIÁO VIÊN**  *(Kí, ghi rõ họ tên)*  *IMG20231029111922-removebg-preview*  **Phạm Thị Thanh Hiền** |